

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày: 20-3-2023

V/v “*Tranh chấp QSDĐ*”

và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Thảo

Ông Vũ Hồng Luyến

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 13-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1967

Địa chỉ: khu phố 1, ấp T, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Ông Lôi Văn T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1969.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.4 Bà Lê Thị Quốc Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.5 Ông Phan Văn U, sinh năm 1975.

3.6 Bà Trần Thị X, sinh năm 1979.

3.7 Anh Phan Vũ L1, sinh năm 1998.

3.8 Chị Phan Thùy L2, sinh năm 2000.

3.9 Em Phan Quang L3, sinh năm 2000.

3.10 Em Phan Nhật L4, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của em Phan Nhật L4: Ông Phan Văn U, sinh năm 1975 và bà Trần Thị X, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.11 Ông Lê Tấn K, sinh năm 1955.

3.12 Bà Đặng Thị L, sinh năm 1954.

3.13 Anh Lê Quốc H, sinh 1980.

3.14 Anh Lê Anh V, sinh năm 1973.

3.15 Anh Lê Quốc H, sinh năm 1979.

3.15 Chị Cao Thị Út N, sinh năm 1985.

3.16 Em Lê Trà A, sinh năm 1999.

3.17 Em Lê Hoàng S, sinh năm 2012.

Cùng địa chỉ: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của em Lê Hoàng S là ông Lê Quốc H, sinh năm 1985 và bà Cao Thị Út N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.18 Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1974.

3.19 Chị Nguyễn Thị (Thụy) Thúy A, sinh năm 1997.

3.20 Chị Nguyễn Thị (Thụy) Thúy V, sinh năm 2001.

3.21 Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: ấp T, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị L chết ngày 19/7/2021: Ông Lê Tấn K (chồng) và các con bà L gồm: anh Lê Anh V, anh Lê Quốc H, chị Lê Thị Phương Q, anh Lê Quốc H, chị Lê Thị Quốc Q.*

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Vào cuối năm 1999 ông có mua của bà Nguyễn Kim N diện tích 36 m² đất tại địa chỉ ấp T, phường B, thành phố Biên Hòa, ông đã làm nhà và để một phần đất bên hông sau nhà để làm đường thoát nước mưa, nước sinh hoạt gia đình, làm cửa hậu, cửa sổ. Đến đầu năm 2003 ông tiếp tục mua thêm của ông Lê Tấn K diện tích khoảng 20m² và cuối năm 2003 ông mua thêm của bà Trần Thị Ngọc N diện tích khoảng 2,5m² đất. Cũng thời gian này ông Lôi Văn T và bà Nguyễn Thị Bích C mua đất và nhà tại địa chỉ ấp T, phường B, thành phố Biên Hòa ở liền kề bên cạnh nhà ông. Quá trình sử dụng đất, ông phát hiện bà C và ông T là người sử dụng thửa đất bên cạnh có lấn chiếm phần đất của ông, nên năm 2008

ông khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án xác định bà C có lấn của ông 0,2m² đất, nhưng do năm 2007 bà C đã chuyển nhượng thửa đất cho ông S, bà H nên Tòa án buộc ông S, bà H trả lại cho ông 0,2m² đất. Ông đã làm thủ tục kê khai, đến năm 2010 ông nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 60, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì ông phát hiện trước đó ông Lôi Văn T còn lấn chiếm diện tích đất ngang 01m dài 2,8 m, phần đất này không nằm trong phần đất ông đã khởi kiện bà C trước đó. Nên ngày 02/12/2011 ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Lôi Văn T phải trả lại cho ông phần diện tích đã lấn chiếm là 2,8m² (ngang 01m, dài 2,8m) thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và yêu cầu ông Lôi Văn T phải bồi thường thiệt hại số tiền 26.500.000 đồng cho ông về chi phí đi lại và những ngày nghỉ việc đến Tòa án để làm việc.

Ông Q cho rằng ông T, bà H khai không đúng sự thật. Cụ thể là ông T mua của bà N diện tích 63,1 m² nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mua của bà N bán cho ông T diện tích 63,1 m². Bà H cố tình khai báo sai sự thật để bán nhà lại cho bà Lê Thị Quốc Q trái quy định pháp luật. Cụ thể là ngày 25/7/2011 và 18/10/2011, bà H đã bị cán bộ phường B lập biên bản xây dựng trên đất tranh chấp giữa ông Q và ông T. Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 18/10/2011 bà H cho thợ xây trên đất đã bị lập biên bản 02 lần và có ông T là công an bảo kê xây dựng lúc ông Q ra ngăn cản và ông yêu cầu bà Trần Ngọc H phải bồi thường thiệt hại cho ông là 12.500.000đ.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lôi Văn T trình bày:

Vào ngày 17/11/2003 ông và vợ là bà Nguyễn Thị Bích C nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Ngọc N diện tích 63,1m² đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thửa đất này ở bên cạnh thửa đất của ông Nguyễn Hữu Q. Lúc mua thì thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó sang tên cho ông. Đến cuối năm 2007 ông chuyển nhượng thửa đất đó cùng tài sản trên đất cho bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc S, ông đã bàn giao tài sản và làm thủ tục sang tên cho bà H, ông S. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của ông Q buộc ông phải trả lại diện tích đất là 2,8m² (ngang 1m, dài 2,8m) thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 26.500.000 đồng cho ông Q.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Vào năm 2003 bà và ông Lôi Văn T nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Ngọc Nga diện tích 63,1m² đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thửa đất này ở bên cạnh thửa đất của ông Nguyễn Hữu Q. Lúc mua thì thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó sang tên cho bà và ông T. Đến cuối năm 2007, bà và ông T chuyển nhượng thửa đất đó cùng tài sản trên đất cho bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc S, bà và ông T đã bàn giao tài sản và làm thủ tục sang tên cho bà H, ông S. Năm 2008 ông Q khởi kiện bà phải trả lại diện tích đất trước đó bà C

lần của ông Q, sau khi có bản án thì bà H đã trả lại diện tích đất 0,2m² theo quyết định của Tòa án. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của ông Q và bà không còn liên quan gì đến thửa đất đó nữa.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Vào ngày 20/11/2007 ông bà mua căn nhà và đất tại địa chỉ ấp T, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của ông Lôi Văn T và bà Nguyễn Thị Bích C, thửa đất này ở bên cạnh thửa đất của ông Nguyễn Hữu Q. Ông bà đã làm thủ tục sang tên, đến năm 2008 ông Q khởi kiện bà C vì trước đó lần đất của ông Q, Tòa án đã xác định bà C có lần của ông Q 0,2 m² đất nên ông bà đồng ý và đã trả lại cho ông Q phần đất đó. Đến ngày 26/10/2011 ông bà đã bán lại căn nhà và đất nêu trên cho bà Lê Thị Quốc Q, lúc ông bà bán thì không có tranh chấp gì liên quan đến nhà đất trên. Nay ông Q khởi kiện đối với ông T, ông bà không có ý kiến gì vì ông bà không còn liên quan gì đến thửa đất đó nữa.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Quốc Q trình bày:

Vào ngày 26/10/2011 bà có nhận chuyển nhượng của bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc S thửa đất số 68, tờ bản đồ 11, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Lúc bà mua thì thửa đất này không có tranh chấp với ai, bà đã làm thủ tục sang tên. Nay ông Q khởi kiện đối với ông T trả lại diện tích đất 2,8 m² (ngang 1m dài 2,8 m) bà không đồng ý, vì bà cho rằng việc khởi kiện của ông Q không đúng, bà biết rõ nguồn gốc thửa đất bà mua vì thửa đất đó cũng như thửa đất của ông Q đều có nguồn gốc trước đây của cha mẹ bà.

Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn U, bà Trần Thị X, anh Phan Vũ L1, chị Phan Thùy L2, anh Phan Quang L3 trình bày:

Là những người trong gia đình đang thuê nhà của bà Lê Thị Quốc Q, căn nhà này liên quan đến việc khởi kiện giữa ông Nguyễn Hữu Q và ông Lôi Văn T, việc tranh chấp này không liên quan gì đến họ, họ không có ý kiến và yêu cầu gì cả.

Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn K, anh Lê Quốc H, anh Lê Anh V, anh Lê Quốc H, chị Cao Thị Út N, em Lê Trà A trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Hữu Q trước đây do ông K chuyển nhượng cho ông Q, còn diện tích đất ông Q kiện ông T bà Q đã mua lại vào năm 2011. Hiện nay ông K cùng con cháu quản lý nhà đất giúp bà Q, không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa ông Q và ông T, không có ý kiến và yêu cầu gì cả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị (Thụy) Thúy A, chị Nguyễn Thị (Thụy) Thúy V, anh Nguyễn Hữu Đ là vợ và các con của ông Nguyễn Hữu Q, đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án số: 101/2022/DS-ST ngày 13-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ các Điều 135, 136 của Luật Đất đai năm 2003;

Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh 10/2009/PLUBTVQH 12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q đối với ông Lôi Văn T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án:

Việc ông Nguyễn Hữu Q yêu cầu ông Lôi Văn T trả lại diện tích đất 2,8m², thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ 11 phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và bồi thường thiệt hại về chi phí đi lại của những ngày nghỉ việc để đến tòa làm việc với số tiền là 26.500.000 đồng là không có cơ sở vì: Căn cứ theo bản đồ hiện trạng khu đất số 4491/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh Biên Hòa ngày 27/6/2017 thể hiện; thửa đất số 60, tờ bản đồ 11, theo bản đồ địa chính được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 20, 21, 15, 16, 17-1) có diện tích 54.6m²; thửa đất số 68, tờ bản đồ 11 theo bản đồ địa chính được giới hạn bởi các mốc (7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17-7) có diện tích 63,1m²; thửa đất số 60, tờ bản đồ số 11 ngoài hiện trạng theo chỉ dẫn của ông Q được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 22, 23, 18, 19, 14, 15, 16, 17-1) có diện tích 57.5m² (bút lục số: 420). Như vậy, đối chiếu với phần diện tích thửa đất 60, tờ bản đồ số 11 của ông Q đang sử dụng đúng diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có việc lấn chiếm (bút lục số: 68).

Đối với yêu cầu buộc ông T bồi thường thiệt hại nhưng do yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Q không được chấp nhận nên không có cơ sở giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Q làm trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Q:

Theo bản đồ hiện trạng khu đất số 4491/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa ngày 27/6/2017 do ông Nguyễn Hữu Q và ông Lê Quốc H chỉ ranh thể hiện: Thửa đất số 60, tờ bản đồ 11 do ông Q là chủ sử dụng, theo bản đồ địa chính được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 20, 21, 15, 16, 17, 1) có diện tích 54,6m²; thửa đất số 68, tờ bản đồ 11 theo bản đồ địa chính được giới hạn bởi các mốc (7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,7) có diện tích 63,1m²; thửa đất số 60, tờ bản đồ 11 ngoài hiện trạng theo chỉ dẫn của ông Q được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,22,23,18,19,14,15,16,17,1) có diện tích 57,5m².

Tại “*Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2006*” ông Q kê khai diện tích đất sử dụng là 54,6m² (bút lục số 71). Ngày 31/01/2008, ông Q được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 259856 diện tích là 54,6m². Như vậy, có căn cứ để xác định hiện trạng ông Q đang sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 11, phường B và diện tích đất ông Q được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 54,6m², nên việc ông Q cho rằng ông T lấn chiếm đất của ông Q là không có căn cứ; ngoài ra ông Nguyễn Hữu Q còn yêu cầu ông T phải bồi thường thiệt hại số tiền 26.500.000 đồng cho ông Q để chi phí đi lại trong thời gian ông Q khởi kiện ông T. Xét thấy, ông T không lấn chiếm đất của ông Q, nên việc ông Q yêu cầu ông T phải bồi thường thiệt hại là không có căn cứ.

Đối với việc ông Q yêu cầu bà Trần Ngọc H bồi thường số tiền 12.500.000 đồng cho ông Q. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Nếu có căn cứ xác định bà H gây thiệt hại cho ông Q, ông Q có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Hữu Q giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q không có căn cứ nên ông Q phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, số tiền chi phí tố tụng ông Q đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Hữu Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng về tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 01683 ngày 12/12/2011; ông Q phải chịu số tiền 1.325.000 đồng tiền án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Q không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Q đã nộp theo Biên lai số 0004029 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DS-ST ngày 13-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 135, 136 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PLUBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q đối với ông Lôi Văn T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 01683 ngày 12/12/2011 và phải nộp số tiền 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Q đã nộp theo Biên lai số 0004029 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

